

Cái nhìn tiến bộ trong thơ chữ Hán của Cao Bá Quát

Nguyễn Thị Tính *

Tóm tắt: Cao Bá Quát là nhà thơ nổi tiếng ở nửa đầu thế kỷ XIX. Thơ ông có những cách tân nghệ thuật táo bạo: giọng điệu mới, tự sự kết hợp với độc thoại, lời thơ hàm súc, đa nghĩa, mạch thơ hướng tới những đề tài có ý nghĩa xã hội sâu rộng. Có thể bắt gặp trong thơ ông nhiều chủ đề khác nhau, chủ đề nào cũng mang những hàm nghĩa phong phú, chẳng hạn như: khát vọng của tuổi trẻ, muốn đem hết năng lực tài trai ra đóng góp cho đời; tình bạn, tình thầy trò; giải phóng cá nhân... Bài viết đề cập tới con người và văn minh Phương Tây biểu hiện trên đất thuộc địa và những tiến bộ trong nhận thức của Cao Bá Quát trong thơ chữ Hán của ông.

Từ khóa: Cao Bá Quát; thơ chữ Hán; Phương Tây; văn minh.

1. Đặt vấn đề

Từ tháng 12 năm Quý Mão 1843 đến tháng 7 năm Giáp Thìn 1844, Cao Bá Quát đi “đương trình hiệu lực” ở Hạ Châu - một vùng thuộc địa của Phương Tây ở Châu Á⁽¹⁾. Về thực chất, đây là việc triều Nguyễn tạo cơ hội cho ông “lấy công chuộc tội”. Song, đối với Cao Bá Quát, chuyến đi này đã tạo điều kiện tốt cho ông tiếp xúc với con người và thế giới thuộc địa Phương Tây, được thấy một thế giới mới lạ, khác hẳn với đặc điểm Phương Đông truyền thống. Từ đây, con người và thế giới thuộc địa của Phương Tây được khúc xạ khá nhiều trong thơ chữ Hán của ông. Ông có 46 bài thơ chữ Hán viết về đất trời, con người ở vùng thuộc địa của Phương Tây⁽²⁾. Trong đó, Cao Bá Quát không chỉ ghi chép lại những điều mắt thấy tai nghe mà ông còn bộc lộ một nhãn quan tư tưởng khá mới mẻ.

2. Tái hiện hình ảnh con người và văn minh Phương Tây

Hình ảnh con người và thế giới Phương Tây trên thuộc địa của họ được Cao Bá Quát phản ánh trong thơ khá phong phú.

Trước hết là quan sát *sự khác biệt về con người* so với đất nước mình. Hình ảnh ấn tượng đầu tiên hiện ra trước mắt Cao Bá Quát là sự khác lạ về ngoại hình của những con người đang sống ở đây: *Ba Tư cao kì tị* (Người Ba Tư có sống mũi cao - *Quan hải tam thập lục vận thư trình Ngô Hiên*). Trái với dáng vóc nhỏ bé, mũi tẹt của người Việt Nam, Cao Bá Quát lập tức bị thu hút bởi sống mũi cao của người Ba Tư. Đó là sự

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

ĐT: 0914828873. Email: nguyentinhsp2@yahoo.com.vn.

(1) Về địa danh Hạ Châu xin xem: Claudine Salmon và Tạ Trọng Hiệp (2004), “Sứ thần Việt Nam Cao Bá Quát và nhận thức của ông qua chuyến đi công cán “Vùng Hạ Châu””, in trong *Cao Bá Quát - tư liệu bài viết từ trước đến nay*, Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội; Vĩnh Sính (2004) *Thử tìm hiểu về chuyến đi công vụ ở Hạ Châu của Cao Bá Quát*, *Diễn đàn*, số 137; Trần Nho Thìn (2008), “Chuyến đi đương trình hiệu lực năm 1884 và tư tưởng Cao Bá Quát”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 11.

(2) Mai Quốc Liên (Chủ biên), (2004, 2012), *Cao Bá Quát toàn tập*, Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội. Các trích dẫn thơ Cao Bá Quát trong bài đều theo sách này.

khác biệt về nhân chủng học. Không những vậy, người nước ngoài còn không giống người Việt Nam về hành động, cử chỉ. Ông chú ý ghi lại “hiện tượng” lạ của nữ giới: “Trường sạn thôn đầu man tiểu cô/ Lũ trư như diện tất như phu/ Bản kiều du biển mộ quy khứ/ Tiểu hoán tân nhân tán cô phu”. (Trên lối đi bắc cây gỗ ở đầu xóm có cô người Hạ Châu nhỏ nhắn/ Mặt như lợn nái, da (đen) như sơn/ Đạo chơi khắp các cầu ván, chiều quay về/ Cười to gọi bạn mới về giúp chồng cũ).

Cô gái thổ dân Hạ Châu xuất hiện dị biệt hoàn toàn với những người đàn bà “công, dung, ngôn, hạnh” trong truyền thống Phương Đông. Về *dung*, cô không hương sắc, yếu điệu. Cao Bá Quát dùng liên tiếp hai hình ảnh so sánh để gợi tả khuôn mặt và màu da của cô: mặt như lợn nái, da đen như sơn. Cô không phải là mỹ nữ. Nhưng trong so sánh, Cao Bá Quát chỉ đưa đối tượng (lợn nái, sơn), mà không đưa ra đặc điểm cụ thể. Do đó, người đọc không có ấn tượng về một người đàn bà “ma chê quỷ hờn”. Ngược lại, nó chỉ khiến người ta liên tưởng đến một dung nhan kì kì, khác lạ đến ngỡ ngàng! Về *ngôn*, đàn bà theo lễ giáo phải nhỏ nhẹ, ý nhị: “ngôn vô lộ xỉ, tiểu vô xuất thanh”. Về *công*, cô không ở trong “trướng phủ màn che” để thêu thùa, may vá, nội trợ... mà đạo chơi khắp các cầu ván! Tất cả những biểu hiện của người đàn bà này đều không có điểm chung với cung cách của nữ giới Phương Đông theo tiêu chí của lễ giáo phong kiến. Ở một bài thơ khác, Cao Bá Quát thêm một lần nữa ghi lại sự lạ lẫm từ người đàn bà Phương Tây: “Tây dương thiếu phụ y như tuyết/ Độc băng lang kiên tọa thanh nguyệt/ Khước vọng Nam thuyền đăng hỏa minh/ Bả duệ nam nam hướng lang thuyết/ Nhất uyển đề hồ thủ lãn tri/ Dạ hàn vô ná hải phong xuy/ Phiên thân cánh thính lang phù khởi/ Khởi thức Nam nhân hữu biệt ly”. (Người thiếu phụ Tây dương

áo trắng như tuyết/ Tựa vai chồng ngồi dưới bóng trăng trong/ Nhìn sang thuyền Nam có đèn ánh sáng/ Núi áo chồng nói chuyện ríu rít/ Tay cầm chén sữa một cách uể oải/ Đêm lạnh không chịu nổi gió bẽ/ Nghiêng mình, lại đòi chồng nâng dậy/ Đâu biết có người Nam đang ở cảnh biệt ly).

Trang phục của người đàn bà Tây dương đối lập với phụ nữ Phương Đông truyền thống. Theo quan niệm của Phương Đông, màu trắng thường là màu đau buồn. Phụ nữ chỉ mặc đồ trắng khi có đại tang. Cô gái Phương Tây diện đồ trắng ngay cả khi chồng đang còn sống, kề bên. Cao Bá Quát dùng lối so sánh “trắng như tuyết” để tuyệt đối hóa màu sắc trên trang phục của cô. Toàn bộ trang phục ấy là một màu trắng tinh, không hề có sự pha điểm màu khác. Chưa hết, ở Phương Đông thời đó, đàn bà phải cung kính, phục tùng, giữ lễ với chồng; ở nhà phải “cử án tề mi” (dâng cơm ngang lòng mày) như nàng Mạnh Quang, ra ngoài phải ý tứ “thụ thụ bất thân”, đứng xa chồng. Thế mà trước mắt “người Nam” họ Cao, giữa bóng trăng trong, giữa gió bẽ (thiên nhiên), cạnh thuyền của người Nam (thiên hạ), thiếu phụ Phương Tây kia trong quan hệ với chồng hoàn toàn phá “lễ”. Thử bậc, tôn ti ở đây đã bị đảo lộn. Hơn cả sự bình đẳng, thiếu phụ Tây dương chẳng những “dựa vào vai chồng” mà còn tự nhiên “kéo áo”, “nói chuyện”, “đòi nâng dậy”. Quấn quýt bên nhau, đôi phu thê “đâu biết người Nam đang ở cảnh biệt ly”. Chính câu kết này đã khiến bài thơ ngắn giàu “ý tại ngôn ngoại”. Vì “đâu biết” nên họ mới tự nhiên thể hiện. Đây là cảnh thực, không phải cảnh diễn của sân khấu.

Nếp sống văn hóa tâm linh của họ cũng có điểm khác biệt. Phương Đông chủ yếu trọng Nho, Phật, Đạo. Sang trời Tây, Cao Bá Quát ghi lại hình ảnh những người lính da đen cầu nguyện: “Ngốc phát ban cân tam ngũ nhi/ Tụ đầu tán giảng mạn thanh tri”.

(Năm ba gã trai trẻ đầu trọc đội khăn rằn/ Chùm đầu rằn rì chậm rãi lời tán tụng rao giảng). Những hình ảnh đó không chỉ là khác biệt về trang phục, hành động, cử chỉ. Đó là cả một sự trái biệt hoàn toàn về quan điểm, lối sống.

Cao Bá Quát còn nhận thấy sự kì thị màu da, đẳng cấp. Ông ghi lại cảnh bắt công giữa người da đen và người da trắng: “Thiết li vô tóa quy xa nhập,/ Cá cá ô nhân ngự bạch nhân”. (Rào sắt không khóa, xe cộ trở về (cứ việc) đi vào/ Rặt những người da đen đánh xe cho người da trắng).

Ở đây có sự tương phản đối lập: da đen - da trắng; da đen làm, kéo xe chở người da trắng - da trắng được đằng hoàng ngồi trên xe. Màu da ứng với công việc và thân phận. Cảnh tượng này (sự phân biệt màu da gắn liền với đẳng cấp) ở Phương Nam chưa từng có!

Tiếp đó, cảm nhận của Cao Bá Quát về thế giới con người ngoại quốc còn là ở chỗ họ rất *năng động*: “Tây tra phát hán lộ/ Khai nguyên đăng nan thu/ (...) Hiệp thử vạn lí du”. (Chiếc bè Phương Tây phát hiện ra đường sông/ Mở nguồn lợi bừa bãi khó thu lại được/ (...) Coi nhẹ cuộc đi xa vạn dặm).

Điều này đối lập với tố chất của người Việt Nam. Người Việt Nam ngại di chuyển, thích gắn bó với lũy tre làng với quan niệm: “Ta về ta tắm ao ta/ Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”, “trọng nông, ức thương”. Người ngoại quốc vừa chú ý sử dụng và khai thác các giá trị tài nguyên của nước mình vừa xuôi xuống các vùng biển ở các nước xung quanh để tìm kho báu. Với họ, thương nghiệp là một nghề sôi nổi, đem lại lợi ích kinh tế to lớn! Vậy nên cuộc sống của họ vương giả, giàu sang với nhà cao cửa rộng: “Lầu gác trùng trùng giáp thủy tân/ Tùng âm lương xứ dị hoa xuân”. (Lớp lớp nhà lầu vây quanh bên nước/ Mùa xuân, các thứ hoa lạ phơi sắc dưới bóng cây thông).

Không gian thế giới văn hóa vật chất Phương Tây mở ra trước mắt người đọc.

Sông núi đất trời ở đâu cũng thế, nhưng chính khối óc và bàn tay con người, chính “nhân tạo” làm cho “thiên tạo” cũng trở nên khác lạ. Ở đó, không chỉ có hoa, sông, bóng cây tùng đại diện cho cảnh thiên nhiên, mà còn được tô điểm làm đẹp hơn bởi “lầu gác trập trùng”, các khu biệt thự nối tiếp nhau nguy nga, tráng lệ. Đó thực là thế giới sầm uất, giàu có. Bầu không khí phở phả, người - người qua lại trên xe đông vui, náo nhiệt. Cuộc sống của họ thật ung dung, thoải mái: “Song song phù lạc hạ triều tinh/ Phiến phiến hồng kì chiếu thủy thanh/ Dương nữ như hoa thương xa khứ/ Kỉ hành huê thủ sấn du minh”. (Hai thuyền song song cập bến vào một buổi sáng đẹp trời/ Từng lá cờ đỏ chiếu trên nền nước trong/ Cô gái Tây đẹp như hoa lên xe đi/ Mấy hàng người dắt tay nhau vui chơi trong sáng mai).

Thêm nữa, họ còn có nhiều sản phẩm khoa học kĩ thuật khiến Cao Bá Quát kinh ngạc, sửng sốt. Đó là chiếc kính viễn vọng mà chính tác giả được thương gia Hoàng Liên Phương cho ngắm thử. Đặc biệt là, chiếc tàu thủy trước mắt Cao Bá Quát là một con “rồng thần”: “không buồm, không chèo cũng không người đẩy”, thế mà “có lúc đi ngang, chạy ngược, nhanh như ngựa phi”, “chỉ búng ngón tay đã vượt qua những đợt sóng kinh người”! Người điều khiển con tàu ấy mới thật phi thường: “Hoán nhi ứng tị đàm tiếu lai/ Tuyệt khó nga cân nhiều tường lập”. (Họ gọi trẻ đến, vênh mũi cười nói/ Quân trắng mũ cao đứng vây quanh cột buồm).

Ngự trị một con tàu thần kì như vậy, thế mà họ không hề có biểu hiện vất vả, nhọc nhằn; trái lại ung dung, cười nói, quần trắng, mũ cao sang trọng đằng hoàng. Đó là tư thế của những con người làm chủ khoa học - kĩ thuật hiện đại.

Nói chung, các lĩnh vực của thế giới thuộc địa Phương Tây được ghi lại khá đa dạng trong thơ chữ Hán của Cao Bá Quát:

biểu hiện tình cảm nam nữ, đời sống vật chất, tôn giáo, sự coi trọng buôn bán, giao thương, ưu việt của sản phẩm kỹ thuật... Tuy nhiên, đó mới chỉ là những hiện tượng đơn lẻ, bộ phận. Do hoàn cảnh lịch sử, địa điểm tiếp xúc, điều kiện thời gian, chức trách, nhiệm vụ trong đoàn đi..., nên Cao Bá Quát chưa có đủ tầm để quan sát được cả hệ thống chính thể, những vấn đề về cơ cấu xã hội, thể chế chính trị, hệ thống ngân hàng... Song, những ghi chép của Cao Bá Quát cho thấy ông khá nhạy cảm với thể giới mới và từ đó, ông bộc lộ những tư tưởng tiến bộ so với đương thời.

3. Nhãn quan tiến bộ của nhà nho Cao Bá Quát

Nhãn quan khác nhau sẽ quy định cách nhìn và quan điểm về hiện tượng khác nhau. Trước một hiện tượng dị kỳ, dị biệt thì chủ thể tiếp nhận sẽ phản ứng ra sao? Điều này sẽ cho thấy tư tưởng thủ cựu hay tân tiến của chủ thể tiếp nhận. “Không phải cứ tiếp xúc với các nước Phương Tây hoặc tiếp xúc với các nước đã bị Âu hóa là hiện thực cuộc sống Châu Âu nghiêm nhiên bước vào văn học. Chỉ những người tiên tiến, có khát vọng vươn lên và đặc biệt vượt khỏi tính ki thị dân tộc nhỏ nhen Phương Đông mới dám nhìn thẳng vào xã hội Phương Tây và phản ánh chúng vào văn học”⁽³⁾. Cao Bá Quát chính là một trong “những người tiên tiến” đó! Việc được đi ra nước ngoài, tiếp xúc, gặp gỡ với bầu trời văn hóa mới của thế giới Phương Tây ở vùng thuộc địa đã làm nhận thức trong ông thay đổi.

Trong 46 bài thơ viết về ngoại quốc, Cao Bá Quát không hề bày tỏ quan điểm phê phán bất cứ một hiện tượng nào. Ông cũng không thể hiện sự lẩn tránh trong tư tưởng của nhà nho như Hà Tông Quyền (1798 - 1839): “Chu mấn kim tình ngọc tác thoa/ Tuyệt y phụ mị dịch đồng xa/ Liên kiều tự thị tình chung giả/ Trọng lợi khinh ly thị nhĩ hà”⁽⁴⁾. (Tóc hoe đỏ, mắt vàng, thoa bằng

ngọc/ Áo trắng như tuyết, chồng yêu khoác vai đưa lên cùng ngai/ Nũng nịu đáng yêu tự cho là kẻ chung tình/ Nhưng với lối sống “coi trọng mối lợi, coi thường sự li biệt” thì rồi sẽ ra sao).

Hà Tông Quyền cũng ghi lại sự khác biệt về màu tóc, trang sức, trang phục, cử chỉ của người đàn bà ngoại quốc gần giống như Cao Bá Quát. Tuy nhiên, do còn nặng tư tưởng “trọng nông, ức thương” truyền thống nên ông trần trố, lo cho hạnh phúc lâu dài của người đàn bà. Cao Bá Quát không như vậy. Với câu kết của bài *Dương phụ hành*: “Đâu biết người Nam nổi biệt ly”, Cao Bá Quát dường như thổ lộ nỗi khát khao mong ước được quần quýt, yêu chiều như đôi phu thê Tây dương. Đây cũng là sự khác biệt về quan niệm phu - thê của Cao Quát so với các nhà nho truyền thống!

Viết về những hiện tượng nơi Tây dương (phố xá phồn hoa, cuộc sống sang trọng, buôn bán năng động, tàu thuyền kì diệu...), cách miêu tả của Cao Bá Quát, thực chất đã không giấu giếm nỗi niềm kính phục của ông. Ông thẳng thắn bày tỏ: “Hoạn du tỉnh thức ngư thiên lí/ Ngưng kiến chân thành báo nhất ban” (Có cuộc hoạn du mới biết cá lớn nghìn dặm/ Kiến thức hẹp hòi khác nào thấy con báo chỉ thấy có một vằn).

Điểm mới hơn nữa trong cách nhìn của Cao Bá Quát là ở chỗ ông vừa cảm phục, thậm chí ngưỡng mộ nền văn minh Phương Tây, vừa hoảng sợ, thậm chí hoảng loạn khi nhận ra âm mưu và sự xâm lược tất yếu của chính nền văn minh Phương Tây ấy với Phương Đông.

Đối với Cao Bá Quát, dường như thế giới này là dành riêng để phục vụ cho người

⁽³⁾ Nguyễn Đăng Na (2001), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

⁽⁴⁾ Dẫn theo: Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2013), *Nghệ An toàn chí*, t.17, *Văn thơ xứ Nghệ thời trung đại*, Nxb Khoa học xã hội, tr.986.

Phương Tây. Thực tế bấy giờ, Phương Tây đã xâm lấn trên đất Phương Đông bằng rất nhiều hình thức. Đó là buôn bán hàng hóa: “Mao đầu nhất khí vô nhân thức/ Dương hóa do thông Bá Lí Đan” (Một hơi gió thổi đầu cờ mao không ai biết/ Hàng hóa người Tây còn lưu thông là nhờ Lí Bá Đan). Đó là xây đắp nhà cửa la liệt: “Ma Cao thủy nạp vũ/ Bành Hồ diệc bao tu/ Toại sử xà thi kiều/ Quạt trạch la Thương Châu” (Mà đất Ma Cao bắt đầu chịu sự ức hiếp khinh nhờn/ Đất Bành Hồ cũng chịu chung nỗi hổ thẹn/ Bền khiến cho bọn lộn, bọn rắn sinh kiều ngạo/ Chúng đào hang xây nhà la liệt ở Thương Châu). Đó là chiếm thực đất đai: “Lặc thành tây khứ Lặc uy ni/ Xà trục thao tâm vị bảo thi/ Địa thế dĩ liên Ma lục giáp/ Chiến công do đạo Á Phi Li” (Từ thành Lặc đi về phía tây đến Lặc uy ni/ Rắn (sóng biển) đuổi theo (vì) bụng tham ăn chưa đầy/ Thế đất đã liền Ma lục giáp/ Chiến công còn nhắc Á Phi Li).

Và đó là nỗ lực chuẩn bị binh lính đe dọa tiếp tục xâm lược: “Hổ Môn tân chiến sự như hà/ Liệt trận dương thuyền xuất một đa/ Kiến thuyết ô binh nhật thao luyện/ Thi thi đông vụ hướng minh ca” (Tin chiến sự ở Hổ Môn ra sao/ Tàu Tây dàn trận nhiều, thoát ần, thoát hiện/ Thấy nói lính da đen hàng ngày luyện tập/ Cờ trắng chỉ tiền luôn luôn hát ca đến sáng).

Tất cả sức mạnh của Phương Tây uy hiếp dữ dội Phương Đông. Nó dự báo việc lấn tới của Phương Tây với các vùng đất mới hết sức dễ dàng: “*Xiêm Miến như quyết vu*” (Xiêm La Miến Điện dễ như nhổ mụn cóc).

Thêm nữa, không phải chỉ vì Phương Tây đích thân xâm lược, có khả năng xâm lấn mà còn là vì Phương Tây có một sức cuốn hút ghê gớm khiến cả đất trời Phương Đông cũng tự ngã theo như bị thôi miên. Trên trời, mặt trăng hướng về phía tây: “*Thỉnh quân thí vấn châu tiền nguyệt/ Hà sự niên niên cánh hướng Tây?*” (Xin phép

hỏi ông: mặt trăng ở phía trước/ Có sao hết năm này sang năm khác lại cứ hướng về phía tây?. Dưới đất, biển xuôi về tây: “*Hải thế hạ Tây cực/ Nộ quyển Côn Lôn khâu*” (Thế biển bị hạ thấp về cực Phương Tây/ Sự tức giận cuộn về gò Côn Lôn). Nhận thức này của Cao Bá Quát rõ ràng là hết sức mới mẻ so với tư tưởng đức trị truyền thống: “Vi chính dĩ đức, thí như Bắc thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi” (Lấy đức để thi hành chính trị, tỷ như sao Bắc Đẩu ở yên một nơi mà các vì sao khác đều châu về). Với Cao Bá Quát, Phương Đông sẽ bị quy phục Phương Tây không phải do “đức” mà là ở mưu đồ, khả năng xâm lược, hơn nữa, ở chính sức hút về sự giàu sang và tiến bộ của nó. Ông đã nhận thấy Phương Tây đang đe dọa, xâm lược dữ dội toàn bộ Châu Á bằng nhiều hình thức. Đó không chỉ là xâm lược bằng súng đạn mà còn bằng cả văn hóa, văn minh.

Chuyến đi “*duyên trình hiệu lực*” không chỉ đem đến cho Cao Bá Quát những nhận thức hoàn toàn mới mà nó còn làm sáng tỏ hơn những điều ông đã nghi ngờ từ trước. Chưa lên đường sang nơi thuộc địa của Phương Tây, Cao Bá Quát đã có một thời gian dài cảm thấy lỗi học hành, thi cử kiểu Nho giáo là thiếu thiết thực. Ông viết: “*Tảo tín văn chương bất trị tiền*” (Ta sớm tin rằng văn chương là điều chẳng đáng giá), “*Ngô nghi dĩ quyết thập niên sơ/ Nhất tiền bất trị văn chương sự*” (Ý ngờ của ta đã quyết mười năm trước/ Chuyện văn chương không đáng giá một đồng tiền). Nhận thức ấy trở nên thấm thía, rõ rệt vào lúc Cao Bá Quát đi “*duyên trình hiệu lực*”, được tận mắt thấy văn minh của một chân trời khác: “*... Tân Gia từ vượt con tàu/ Mới hay vũ trụ một bầu bao la/ Giật mình khi ở xó nhà/ Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi*”.

Phê phán lối học hành, thi cử lạc hậu cũng là ý kiến quyết liệt của Nguyễn Trường Tộ sau này. Khẳng định chắc chắn

vấn đề đó sau hành trình “dương trình hiệu lực”, Cao Bá Quát thuộc số ít người *sớm nhận ra nhược điểm của con đường khoa cử học hành theo Nho giáo truyền thống*. Và toàn bộ tư tưởng, quan điểm của ông trong và sau chuyến đi đã cho thấy sự đánh giá thực tế có chiều sâu của Cao Bá Quát.

Nhận thức được thực trạng đã không đơn giản, nhận thức được tương lai của xã hội mới thực khó khăn. Nhìn ra được diễn tiến tất yếu của thời cuộc phải là trí thức có tầm nhìn xa trông rộng. “Nếu như những phái viên trước đó như Lí Văn Phức và Phan Huy Chú đã biết rõ sự cạnh tranh lẫn nhau giữa những nước Âu Châu hùng mạnh và họ cũng đã nhận thức rõ trình độ cao hơn hẳn của kĩ thuật Phương Tây đối với các nước Trung Hoa, song họ lại không thể hiện sự nao núng thực sự trong thâm tâm họ. Trái lại, Cao Bá Quát đã phải thay đổi cách nhìn đối với thế giới”⁽⁵⁾. Cao Bá Quát xứng đáng thuộc hàng ngũ Trương Khiên hay Ngũ Tử Tư mà ông từng ví: “*Phiếm sà mạn tự đàm Trương sù/ Quyết nhân bằng thủy điệu Ngũ Viên...*” (Cũng chuyện cười bè, cứ nói tràn đến Trương sù/ Ngẫm lời dặn “khoét mắt” nhờ ai viếng hộ Ngũ Viên).

Ví mình như Ngũ Viên, Cao Bá Quát đã dự cảm cho bước ngoặt một cuộc biến thiên lịch sử đang cận kề. Thực tế lịch sử nửa sau thế kỷ XIX ở Việt Nam đã chứng minh những dự cảm của Cao Bá Quát là hoàn toàn chính xác.

4. Kết luận

Nói chung, con người và văn minh Phương Tây trên thuộc địa của họ có sức hút ma lực đối với tâm trí Cao Bá Quát. Ông bị “sốc” trước một thế giới mới mẻ, lạ lẫm với bản thân mình. Cho dù do nhiều nguyên nhân (hoàn cảnh cá nhân đang là một tội nhân, cần được khoan hồng; đi với vai trò phiên dịch bằng “bút đàm”; không có khả năng tiếp xúc trực tiếp với Phương Tây về ngôn ngữ, lại chưa được đọc những

sách kiểu như Tân thư sau này,...) nên nhận thức về thế giới của Cao Bá Quát có phần hạn chế. Ông chưa có được cái nhìn tổng thể; chưa tìm ra nguyên nhân của sự khác biệt; chưa thể có những đề nghị, điều trần, luận thuyết,... Ông cũng chưa thể biết đến tương quan Đông - Tây và công cuộc thực dân hóa của người Phương Tây có tính lịch sử toàn thế giới. Ông cũng chưa thể hình dung ra được một mô hình xã hội nào khác hơn nhà nước phong kiến. Những tư tưởng mới lạ của Cao Bá Quát “thực ra mới là kết quả của những quan sát tiếp xúc bên ngoài, chưa phải là sự thâm nhập vào chiều sâu của hệ thống giá trị, hệ thống tư tưởng xã hội Phương Tây”⁽⁶⁾. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh lịch sử - văn hóa - xã hội nửa đầu thế kỷ XIX và trong tư cách một nhà nho thi nhân, thơ chữ Hán Cao Bá Quát “báo hiệu sự ra đời những tiếng nói cách tân quyết liệt của một thế hệ nhà nho nổi tiếp ngay sau đó như Phạm Phú Thứ (1821 - 1882), Đặng Huy Trứ (1825 - 1874), Nguyễn Trường Tộ (1828 - 1871), Bùi Viện (1839 - 1878)”⁽⁷⁾. Ông “là một nhân vật có tính chất tượng trưng thực sự đứng giữa ngưỡng cửa một giai đoạn mới trong lịch sử Việt Nam”⁽⁸⁾.

⁽⁵⁾ Claudine Salmon, Tạ Trọng Hiệp (2004) “Sứ thần Việt Nam Cao Bá Quát và nhận thức của ông qua chuyến đi công cán “Vùng Hạ Châu””, in trong *Cao Bá Quát - tư liệu bài viết từ trước đến nay*, Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, tr.844.

⁽⁶⁾ Trần Nho Thìn (2008), “Chuyến đi dương trình hiệu lực năm 1884 và tư tưởng Cao Bá Quát”, Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 11, tr.14 - 15.

⁽⁷⁾ Nguyễn Hữu Sơn (2009), Từ *Thiên cư thuyết* đến sự thể hiện con người cá nhân trong thơ Cao Bá Quát, <http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/tu-thien-cu-thuyet-den-su-the-hien-con-nguoi-ca-nhan-trong-tho-cau-ba-quat>.

⁽⁸⁾ N.I.Niculin, *Cao Bá Quát - nhà thơ tiên khu của phong trào cải cách thế kỷ XIX*, in trong *Cao Bá Quát* (tham luận Hội thảo), Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, tr.217.

